

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK PƠ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST

Ngày 18/8/2020

**“V/v *Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK PƠ - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Vĩnh Hưng.

2. Bà Nguyễn Thị Như Thủy.

Thư ký phiên tòa : Ông Nguyễn Tấn Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ , tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số : 05/2020/TLST-DS ngày 05/02/2020 về việc “***Tranh chấp hợp đồng tín dụng***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 07/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội; Địa chỉ: 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà N – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai theo văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Ủy quyền lại cho ông N – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai, theo giấy ủy quyền số 24/NHCS-GUQ ngày 18/12/2019. Ông N có mặt tại phiên tòa.

2.Bị đơn: Bà H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Làng J, xã Y, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai. Bà H vắng mặt tại phiên tòa.

3.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đ, sinh năm 1976; Địa chỉ: Làng J, xã Y, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai. Ông Đ có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2020, bản tự khai ngày 06/02/2020 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng Chính sách xã hội trình bày:

Bà H trú tại làng J, xã Y, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai có vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai, hình thức vay tín chấp thông qua Hội nông dân xã Y nhận ủy thác, cụ thể như sau:

Ngày 25/9/2017: Vay vốn theo chương trình Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn với số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); Mục đích sử dụng: nuôi bò sinh sản. Mã món vay số 660000071183861, lãi suất vay 09%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay; hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 25/9/2020. Tính đến ngày 31/01/2020, hộ vay đã thực hiện trả số tiền lãi 8.633.000đ (Tám triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn), còn nợ lãi 1.886.302đ (Một triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm lẻ hai đồng).

Ngày 25/8/2018: Vay vốn chương trình Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng); Mục đích sử dụng: Làm giếng và nhà vệ sinh. Mã món vay số 6600000713563338, lãi suất vay 09%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay; hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 25/8/2023. Tính đến ngày 31/01/2020, hộ vay đã thực hiện trả số tiền lãi 1.080.000đ (Một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), còn nợ lãi 452.712đ (Bốn trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm mười hai đồng).

Ngày 31/01/2020, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đak Pơ đã phối hợp cùng với Tổ TK và vay vốn, Hội nông dân xã Y tiến hành kiểm tra sử dụng vốn vay và việc chấp hành trả nợ, trả lãi của hộ bà H theo quy định. Qua kiểm tra hộ vay không thực hiện trả nợ gốc theo phân kỳ và không trả tiền lãi đầy đủ hàng tháng theo cam kết đã thỏa thuận trên Giấy đề nghị vay vốn, để lãi tồn đọng cao, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng hoạt động của Ngân hàng. Vì vậy, ngày 01/02/2020 Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai đã thực hiện chuyển nợ quá hạn đối với các khoản vay trên. Tính đến ngày 31/01/2020 hộ vay còn nợ gốc

62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng) và nợ lãi 2.339.014đ (Hai triệu ba trăm ba mươi chín nghìn không trăm mười bốn đồng).

Vì vậy, Ngân hàng Chính sách xã hội đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai để yêu cầu bà H và ông Đ phải trả toàn bộ số nợ gốc là 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng) và tiền lãi trên khoản nợ gốc.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội là ông N yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông Đ phải liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai toàn bộ số nợ gốc 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng) và nợ lãi tính đến ngày xét xử 18/8/2020 là 5.488.274đ (Năm triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng). Tổng cộng là 67.488.274đ (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà H đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà H không đến tham gia tố tụng nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2020 và tại phiên tòa ông Đ trình bày: Ông và bà H có vay của Ngân hàng Chính sách số tiền 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng) như đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội đã trình bày. Số tiền này thực tế ông đã đưa cho bà H trả nợ nhưng không biết lý do gì mà bà H chưa trả. Hôm nay, Ngân hàng Chính sách xã hội khởi kiện yêu cầu ông và bà H phải trả khoản nợ trên thì ông cũng đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng, ông và bà H sẽ có nghĩa vụ liên đới trả nợ số nợ trên cả gốc lẫn lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/6/2020 các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: 01 (một) đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2020 (bản gốc); 01 (một) đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí (bản gốc); 01 (một) Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và Thi hành án số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 (bản sao); 01 (một) quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ số 326/QĐ-NHCS ngày 25/7/2016 (bản sao); 01 (một) sổ vay vốn; 01 (một) giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (bản sao); 01 (một) giấy ủy quyền số 26/NHCS-GUQ ngày 01/02/2020; 01 (một) sổ lưu từ roi theo dõi cho vay thu nợ, dư nợ (bản sao); 01 (một) thông báo danh sách chuyển nợ quá hạn; 01 (một) bản tự khai ngày 06/02/2020; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Xuân Nhân (bản sao);

Các tài liệu, chứng cứ do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp: 01 Chứng minh nhân dân mang tên Đ (bản photo); 01 bản tự khai ngày 05/6/2020.

Những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: 01 (một) biên bản xác minh ngày 07/02/2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà H không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không hòa giải được và tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 467 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội, buộc bà H và ông Đ phải liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội toàn bộ số tiền đã vay và lãi suất tiền vay, thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

Về án phí: Buộc bà H và ông Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Chính sách xã hội có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc bà H và ông Đ phải trả toàn bộ khoản nợ vay cùng với lãi suất. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã nhiều lần triệu tập bà H tham gia tố tụng, nhưng bà H không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án

theo các giấy triệu tập. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 3 Điều 173 và Điều 179, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa và các chứng cứ do đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Ngày 25/9/2017, bà H là người vay vốn và ông Đ là người thừa kế có vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai vay vốn theo chương trình Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn với số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); Mục đích sử dụng: Nuôi bò sinh sản, lãi suất vay 09%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay; hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 25/9/2020 và ngày 25/8/2018 bà H, ông Đ tiếp tục vay vốn chương trình Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng); Mục đích sử dụng: Làm giếng và nhà vệ sinh. Mã món vay số 6600000713563338, lãi suất vay 09%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay; hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 25/8/2023.

Xét về hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập có thỏa thuận kỳ hạn trả nợ, thỏa thuận lãi và thỏa thuận về mục đích sử dụng vốn vay, nhưng trong quá trình sử dụng vốn hộ bà H, ông Đ không thực hiện việc trả nợ đúng thời hạn là vi phạm hợp đồng, nên ngày 01/02/2020 Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai đã chuyển nợ quá hạn và ngày 05/02/2020 đã làm thủ tục khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông Đ phải liên đới trả toàn bộ số tiền vay và lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 467 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Xét về nghĩa vụ trả nợ: Thời điểm vay tiền Ngân hàng Chính sách xã hội giữa ông Đ và bà H là vợ chồng, việc bà H vay tiền của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai theo chương trình Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, mục đích của việc sử dụng nguồn vốn trên là nuôi bò sinh sản và vay vốn chương trình Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn để làm giếng và nhà vệ sinh nhằm phục vụ cho lợi ích chung của hộ gia đình nên ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới với bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung.

Từ những nhận định trên buộc bà H và ông Đ phải liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai toàn bộ số nợ gốc 62.000.000đ (Sáu mươi hai

triệu đồng) và nợ lãi là 5.488.274đ (Năm triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng). Tổng cộng là 67.488.274đ (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

3. Xét về án phí: Ông Đ và bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 467 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội. Buộc bà H và ông Đ phải liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai toàn bộ số tiền nợ gốc 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng) và nợ lãi là 5.488.274đ (Năm triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng). Tổng cộng là 67.488.274đ (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

Việc tính lãi và lãi suất quá hạn đối với các khoản vay của các tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết, kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà H và ông Đ phải liên đới nộp 3.374.413đ (Ba triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm mười ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/8/2020). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi bị đơn

cư trú để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đak Pơ;
- Chi cục THADS huyện Đak Pơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Yên Ngọc